**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HÓA 9**

**I.Trắc nghiệm:**

**Câu 1:** Dãy gồm các nguyên tố phi kim là

A. C, S, O, Fe. B. Cl, C, P, S. C. P, S, Si, Ca. D. K, N, P, Si.

**Câu 2:** Dãy phi kim tác dụng với oxi tạo thành oxit axit

A. S, C, P. B. S, C, Cl2. C. C, P, Br2. D. C, Cl2, Br2.

**Câu 3:** X là nguyên tố phi kim có hoá trị III trong hợp chất với khí hiđro. Biết thành phần phần trăm khối lượng của hiđro trong hợp chất là 17,65 %. X là nguyên tố

A. C. B. N. C. S. D. P.

**Câu 4:** R là nguyên tố phi kim, hợp chất của R với hiđro có công thức chung là RH2 chứa 5,88% H về khối lượng. R là nguyên tố

A. C. B. N. C. P. D. S.

**Câu 5:** Đốt cháy hoàn toàn a gam photpho trong bình chứa 13,44 lít khí oxi (đktc) để tạo thành 28,4 gam điphotpho pentaoxit(P2O5). Giá trị của a là

A. 9,2. B. 12,1. C. 12,4. D. 24.

**Câu 6**: Đốt cháy hoàn toàn 2,8 gam hỗn hợp cacbon và lưu huỳnh cần 3,36 lít O2 (đktc). Khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp lần lượt là

A. 0,2 gam và 0,8 gam. B. 1,2 gam và 1,6 gam.

C. 1,3 gam và 1,5 gam. D. 1,0 gam và 1,8 gam.

**Câu 7:** Clo là chất khí có màu

A. nâu đỏ. B. vàng lục. C. lục nhạt. D. trắng xanh.

**Câu 8:** Tính chất nào sau đây là của khí clo ?

A. Tác dụng với nước tạo thành dung dịch bazơ.

B. Tác dụng với nước tạo thành axit clorơ (HClO2).

C. Tác dụng với oxi tạo thành oxit.

D. Có tính tẩy màu trong không khí ẩm.

**Câu 9:** Chất dùng để điều chế clo trong phòng thí nghiệm là

A. MnO2 và HCl đặc. B. MnO2 và H2SO4 đặc.

C. MnO2 và HNO3 đặc. D. MnO2 và NaCl.

**Câu 10:** Khi dẫn khí clo vào nước xảy ra hiện tượng

A. vật lí. B. hoá học.

C. vật lí và hoá học. D. không xảy ra hiện tượng vật lí và hóa học.

**Câu 11:** Nước clo có tính tẩy màu vì:

A. clo tác dụng với nước tạo nên axit HCl có tính tẩy màu.

B. clo hấp phụ được màu.

C. clo tác dụng nước tạo nên axit HClO có tính tẩy màu.

D. khi dẫn khí clo vào nước không xảy ra phản ứng hoá học.

**Câu 12:** Hãy chỉ ra phương trình phản ứng viết sai.

A. Fe + Cl2  FeCl2. B. Fe + 2HCl  FeCl2 + H2.

C. Fe + S  FeS. D. Fe + CuSO4  FeSO4 + Cu.

**Câu 13:** Hợp chất nào sau đây phản ứng được với nước clo ?

A. NaOH B. NaCl C. CaSO4 D. Cu(NO3)2

**Câu 14:** Cho một luồng khí clo dư tác dụng với **9,2 gam kim loại B hóa trị I** sinh ra **23,4 gam muối kim loại**. Kim loại đó là

A. K. B. Na. C. Li. D. Rb.

***(Bài tập không tìm được mol thì dựa vào phương trình và đề bài )***

**Câu 15:** Cho dung dịch axit có chứa 7,3 gam HCl tác dụng với MnO2 dư. Thể tích khí clo sinh ra (đktc) là

A. 1,12 lít. B. 2,24 lít. C. 11,2 lít. D. 22,4 lít.

**Câu 16:** Đốt cháy hoàn toàn **1,08 gam một kim loại A hoá trị III** trong khí clo. Sau phản ứng thu **được 5,34 gam muối clorua**. Kim loại đem đốt cháy là

A. Au. B. Al. C. Fe. D. Ga.

***(Bài tập không tìm được mol thì dựa vào phương trình và đề bài )***

**Câu 17**: Cho 1,12 lít khí clo (đktc) vào dung dịch NaOH 0,5M . Sau khi phản ứng kết thúc, thể tích dung dịch NaOH cần dùng là

A. 0,1 lít. B. 0,15 lít. C. 0,2 lít. D. 0,25 lít.

**Câu 18:** Các dạng thù hình của cacbon là

A. than chì, cacbon vô định hình, vôi sống.

B. than chì, kim cương, canxi cacbonat.

C. cacbon vô định hình, kim cương, canxi cacbonat.

D. kim cương, than chì, cacbon vô định hình.

**Câu 19:** Đốt cháy hoàn toàn 1,2 gam C thì thể tích tối đa của khí CO2 thu được ở đktc là

A. 1,12 lít. B. 11,2 lít. C. 2,24 lít. D. 22,4 lít.

**Câu 20:** Khối lượng C cần dùng để khử 8 gam CuO tạo thành CO2 là

A. 0,6 gam. B. 1,2 gam. C. 2,4 gam. D. 3,6 gam.

**Câu 21:** Nhóm gồm các chất khí đều khử được CuO ở nhiệt độ cao là

A. CO, H2. B. Cl2, CO2. C. CO, CO2. D. Cl2, CO.

**Câu 22:** Khi dẫn khí CO qua ống nghiệm đựng Fe2O3 nung nóng có thể xảy ra phản ứng nào sau đây. Chọn đáp án đúng nhất.

A. 8CO + 3Fe2O3 6Fe + 8CO2 B. 2CO + Fe2O3 2FeCO3

C. 3CO + Fe2O3 2Fe + 3CO2 D. 3CO + Fe2O3 3FeO + 3CO

**Câu 23:** Khử hoàn toàn 48 gam CuO bằng khí CO. Thể tích khí CO cần dùng (đktc) là

A. 13,44 lít. B. 11,2 lít. C. 6,72 lít. D. 44,8 lít.

**Câu 24:** Người ta dùng 22 gam CO2 hấp thụ 20 gam NaOH. Khối lượng muối tạo thành là

A. 45 gam. B. 44 gam. C. 43 gam. D. 42 gam.

**Câu 25:** Nhóm chất gồm các khí đều phản ứng được với nước là

A. CO, CO2. B. Cl2, CO2. C. H2, Cl2. D. H2, CO.

**Câu 26:** Dãy các chất nào sau đây là muối axit ?

A. KHCO3, CaCO3, Na2CO3. B. Ba(HCO3)2, NaHCO3, Ca(HCO3)2.

C. Ca(HCO3)2, Ba(HCO3)2, BaCO3. D. Mg(HCO3)2, Ba(HCO3)2, CaCO3.

**Câu 27:** Dãy gồm các muối đều tan trong nước là

A. CaCO3, BaCO3, Mg(HCO3)2, K2CO3.

B. BaCO3, NaHCO3, Mg(HCO3)2, Na2CO3.

C. CaCO3, BaCO3, NaHCO3, MgCO3.

D. Na2CO3, Ca(HCO3)2, Ba(HCO3)2, K2CO3­.

**Câu 28:** Dãy gồm các chất đều phản ứng với dung dịch HCl là

A. Na2CO3, CaCO3. B. K2SO4, Na2CO3.

C. Na2SO4, MgCO3. D. Na2SO3, KNO3.

**Câu 29:** Cặp chất nào sau đây cùng tồn tại (không xảy ra phản ứng)trong dung dịch

A. HNO3 và KHCO3. B. Ba(OH)2 và Ca(HCO3)2.

C. Na2CO3 và CaCl2. D. K2CO3 và Na2SO4.

**Câu 30:** Cho 21 gam MgCO3 tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch HCl 2M. Thể tích dung dịch HCl đã dùng là

A. 0,50 lít. B. 0,25 lít. C. 0,75 lít. D. 0,15 lít.

**Câu 31**: Tính khối lượng kết tủa tạo ra, khi cho 21,2 gam Na2CO3 tác dụng vừa đủ với dung dịch Ba(OH)2 là

A. 3,94 gam. B. 39,4 gam. C. 25,7 gam. D. 51,4 gam.

**Câu 32:** Có 2 dung dịch Na2SO4 và Na2CO3 thuốc thử nào sau đây có thể nhận biết 2 dung dịch trên ?

A. Dung dịch BaCl2. B. Dung dịch HCl.

C. Dung dịch NaOH. D. Dung dịch Pb(NO3)2.

**Câu 33:** Cho 100 ml dung dịch BaCl2 1M tác dụng vừa đủ 100 ml dung dịch K2CO3. Nồng độ mol của chất tan trong dung dịch thu được sau phản ứng là

A. 1M. B. 2M. C. 0,2M. D. 0,1M.

**Câu 34:** Biết X có cấu tạo nguyên tử như sau: điện tích hạt nhân là 13+, có 3 lớp electron, lớp ngoài cùng có 3 electron. Vị trí của X trong bảng tuần hoàn là

A. chu kỳ 3, nhóm II. B. chu kỳ 3, nhóm III.

C. chu kỳ 2, nhóm II. D. chu kỳ 2, nhóm III.

*(Số lớp eletron tương ứng với chu kỳ, electron ngoài cùng tương ứng với nhóm)*

**Câu 35:** Nguyên tử của nguyên tố X có 3 lớp electron, lớp electron ngoài cùng có 7 electron. Vị trí và tính chất cơ bản của nguyên tố X là

A. thuộc chu kỳ 3, nhóm VII là kim loại mạnh.

B. thuộc chu kỳ 7, nhóm III là kim loại yếu.

C. thuộc chu kỳ 3, nhóm VII là phi kim mạnh.

D. thuộc chu kỳ 3, nhóm VII là phi kim yếu.

***(Gợi ý giống câu 34)***

**Câu 36:** Công nghiệp silicat là công nghiệp sản xuất

A. đá vôi, đất sét, thủy tinh. B. đồ gốm, thủy tinh, xi măng.

C. hiđrocacbon, thạch anh, thủy tinh. D. thạch anh, đất sét, đồ gốm.

**Câu 37:** Thành phần chính của xi măng là

A. canxi silicat và natri silicat. B. nhôm silicat và kali silicat.

C. nhôm silicat và canxi silicat. D. canxi silicat và canxi aluminat.

**Câu 38:** Những cặp chất nào sau đây có thể tác dụng được với nhau ?

A. SiO2 và SO2. B. SiO2 và H2O. C. SiO2 và NaOH. D. SiO2 và H2SO4.

Câu 112: Phương trình hóa học điều chế nước javen là

A. Cl2 + NaOH  NaCl + HClO B. Cl2 + NaOH NaClO + HCl

 C. Cl2 + H2O HCl + HClO D. Cl2 + 2NaOH  NaCl + NaClO + H2O

**Câu 39:** Cho 69,6 gam MnO2 tác dụng với dung dịch HCl đặc dư thu được bao nhiêu lít khí Cl2 (đktc) ?

A. 4,48 lít. B. 6,72 lít. C. 17,92 lít. D. 13,44 lít.

**Câu 40:** Nguyên tố R tạo thành hợp chất khí với hiđro có công thức hoá học chung là RH4. trong hợp chất này hiđro chiếm 25% về khối lượng. R là:

A. Lưu huỳnh B. Phôtpho C. Cacbon D. Silic